

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢO MINH

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012**

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢO MINH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012

NỘI DUNG	TRANG
Thông tin về doanh nghiệp	1
Báo cáo của Quyền Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán	3
Bảng cân đối kế toán (Mẫu số B 01 - CTCK)	5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Mẫu số B 02 - CTCK)	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Mẫu số B 03 - CTCK)	9
Báo cáo tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu (Mẫu số B 05 - CTCK)	10
Thuyết minh báo cáo tài chính (Mẫu số B 09 - CTCK)	12

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢO MINH

THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Giấy phép thành lập và hoạt động	Giấy phép thành lập và hoạt động số 90/UBCK-GP ngày 21 tháng 4 năm 2008 và giấy phép điều chỉnh số 382/GPĐC-UBCK ngày 31 tháng 12 năm 2010 do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước cấp.	
Hội đồng Quản trị	Ông Nguyễn Thế Năng Ông Nguyễn Phú Thủy Bà Trương Thị Đàm Ông Lê Thanh Trí Ông Đinh Hoàng Hà	Chủ tịch Thành viên Thành viên Thành viên Thành viên
Ban Giám đốc	Ông Lê Thanh Trí Ông Vũ Quang Vịnh Bà Lê Minh Nga	Quyền Giám đốc Phó Giám đốc Phó Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 10 tháng 11 năm 2012)
Người đại diện theo pháp luật	Ông Nguyễn Thế Năng	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Hoạt động chính	Các hoạt động chính của Công ty Cổ phần Chứng Khoán Bảo Minh ("Công ty") là tự doanh chứng khoán; môi giới và tư vấn đầu tư chứng khoán; lưu ký, tư vấn tài chính doanh nghiệp và bảo lãnh phát hành.	
Trụ sở chính	198 Phan Xích Long, phường 2, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh	
Chi nhánh Hà Nội	10 Phan Huy Chú, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội	
Kiểm toán viên	Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers (Việt Nam)	



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP GỬI HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢO MINH

Chúng tôi đã kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Chứng Khoán Bảo Minh (“Công ty”) được Quyền Giám đốc phê duyệt ngày 26 tháng 3 năm 2013. Các báo cáo tài chính này bao gồm: bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ, báo cáo tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu của năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên, và thuyết minh báo cáo tài chính bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 5 đến trang 29.

Trách nhiệm của Quyền Giám đốc đối với các báo cáo tài chính

Quyền Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm soạn lập và trình bày hợp lý các báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán hoạt động tại nước CHXHCN Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Trách nhiệm này bao gồm: thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc soạn lập và trình bày hợp lý các báo cáo tài chính để các báo cáo tài chính không bị sai phạm trọng yếu do gian lận hoặc sai sót; chọn lựa và áp dụng các chính sách kế toán thích hợp; và thực hiện các ước tính kế toán hợp lý đối với từng trường hợp.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này căn cứ vào việc kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực đó yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ các tiêu chí đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng liệu các báo cáo tài chính có sai sót trọng yếu hay không.

Cuộc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục kiểm toán nhằm thu được các bằng chứng về các số liệu và thuyết minh trong các báo cáo tài chính. Những thủ tục kiểm toán được chọn lựa phụ thuộc vào xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm cả việc đánh giá các rủi ro sai phạm trọng yếu của các báo cáo tài chính do gian lận hoặc sai sót. Khi đánh giá các rủi ro đó, kiểm toán viên xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc đơn vị soạn lập và trình bày hợp lý các báo cáo tài chính để thiết lập các thủ tục kiểm toán thích hợp cho từng trường hợp, nhưng không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về tính hữu hiệu của hệ thống kiểm soát nội bộ của đơn vị. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán mà Quyền Giám đốc đã thực hiện, cũng như đánh giá cách trình bày tổng thể các báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng mà chúng tôi thu được đủ và thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán.



Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, các báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cũng như kết quả kinh doanh và các dòng lưu chuyển tiền tệ của Công ty của năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán hoạt động tại nước CHXHCN Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.



Ian S. Lydall
Số chứng chỉ KTV: N.0559/KTV
Chủ tịch

Đặng Quốc Tuấn
Số chứng chỉ KTV: 0620/KTV

Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers (Việt Nam)
TP. Hồ Chí Minh, nước CHXHCN Việt Nam
Báo cáo kiểm toán số HCM3430

Như đã nêu trong thuyết minh 2.1 của các báo cáo tài chính, các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm mục đích phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán đã được thừa nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước CHXHCN Việt Nam, và hơn nữa, cũng không dành cho những người sử dụng nào không biết các nguyên tắc, các thủ tục và các thông lệ kế toán Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢO MINH

TRÁCH NHIỆM CỦA QUYỀN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Người đại diện theo pháp luật ủy quyền cho Quyền Giám đốc của Công ty Cổ phần Chứng Khoán Bảo Minh ("Công ty") chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên. Trong việc soạn lập các báo cáo tài chính này, Quyền Giám đốc được yêu cầu phải:

- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- soạn lập các báo cáo tài chính trên cơ sở đơn vị hoạt động liên tục trừ khi không thích hợp để cho là Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Quyền Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở soạn lập các báo cáo tài chính tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh số 2 của các báo cáo tài chính. Quyền Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các gian lận và các sai phạm khác.

PHÊ CHUẨN CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Theo đây, tôi phê chuẩn các báo cáo tài chính đính kèm từ trang 5 đến trang 29. Các báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán hoạt động tại nước CHXHCN Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.



Lê Thanh Trí
Quyền Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, nước CHXHCN Việt Nam
Ngày 26 tháng 3 năm 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢO MINH

Mẫu số B 01 - CTCK

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12	
			2012 VNĐ	2011 VNĐ
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN		304.498.956.092	218.202.537.284
110	Tiền và các khoản tương đương tiền	3	64.173.492.108	180.300.113.212
111	Tiền		13.173.492.108	4.600.113.212
112	Các khoản tương đương tiền		51.000.000.000	175.700.000.000
120	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	4	87.319.901.487	4.944.448.833
121	Đầu tư ngắn hạn		87.546.024.332	5.244.572.194
129	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(226.122.845)	(300.123.361)
130	Các khoản phải thu ngắn hạn		152.881.809.047	32.833.751.719
131	Phải thu khách hàng		116.250.000	354.000.000
132	Trả trước cho người bán		-	48.750.000
135	Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán		174.727.997	24.503.264
138	Các khoản phải thu khác	5	160.822.481.440	32.406.498.455
139	Dự phòng nợ phải thu khó đòi	6	(8.231.650.390)	-
150	Tài sản ngắn hạn khác		123.753.450	124.223.520
151	Chi phí trả trước ngắn hạn		105.753.450	72.507.520
158	Tài sản ngắn hạn khác		18.000.000	51.716.000
200	TÀI SẢN DÀI HẠN		92.158.536.671	123.496.095.861
220	Tài sản cố định		5.152.180.407	6.788.715.568
221	Tài sản cố định hữu hình	7(a)	1.814.793.347	2.548.762.019
222	Nguyên giá		9.414.900.826	8.872.162.226
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(7.600.107.479)	(6.323.400.207)
227	Tài sản cố định vô hình	7(b)	3.337.387.060	4.239.953.549
228	Nguyên giá		6.072.995.040	5.805.495.040
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(2.735.607.980)	(1.565.541.491)
250	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	4	84.000.000.000	115.998.400.000
253	Đầu tư chứng khoán dài hạn		84.000.000.000	115.998.400.000
255	Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn		84.000.000.000	115.998.400.000
260	Tài sản dài hạn khác		3.006.356.264	708.980.293
261	Chi phí trả trước dài hạn		80.807.167	-
262	Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	8	2.057.912.598	-
263	Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán		539.784.499	381.128.293
268	Tài sản dài hạn khác		327.852.000	327.852.000
270	TỔNG TÀI SẢN		396.657.492.763	341.698.633.145

Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 29 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢO MINH

Mẫu số B 01 - CTCK

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12	
			2012 VNĐ	2011 VNĐ
300	NỢ PHẢI TRẢ		65.967.026.502	9.419.708.695
310	Nợ ngắn hạn		65.967.026.502	9.347.727.676
311	Vay ngắn hạn	9	2.998.985.191	-
312	Phải trả người bán		28.007.754	242.562.945
313	Người mua trả tiền trước		65.000.000	45.000.000
314	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	10	2.517.917.081	2.067.680.665
315	Phải trả người lao động		45.024.540	413.922.241
316	Chi phí phải trả		255.128.651	139.761.565
319	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	11	2.767.063.019	935.624.294
320	Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	12	54.286.714.356	3.879.631.333
321	Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	13	2.341.479.460	915.925.560
323	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	14	661.706.450	707.619.073
330	Nợ dài hạn		-	71.981.019
336	Dự phòng trợ cấp mất việc làm		-	71.981.019
400	VỐN CHỦ SỞ HỮU		330.690.466.261	332.278.924.450
410	Vốn chủ sở hữu		330.690.466.261	332.278.924.450
411	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	15	300.000.000.000	300.000.000.000
417	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		3.935.519.345	2.789.304.350
418	Quỹ dự phòng tài chính		3.935.519.345	2.789.304.350
419	Quỹ khác thuộc nguồn vốn chủ sở hữu		557.731.293	202.878.057
420	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		22.261.696.278	26.497.437.693
440	TỔNG NGUỒN VỐN		396.657.492.763	341.698.633.145

Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 29 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢO MINH**Mẫu số B 01 - CTCK****BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
(tiếp theo)****CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Chỉ tiêu	Mã số	Mệnh giá tại ngày	
		31.12.2012 VNĐ	31.12.2011 VNĐ
6. Chứng khoán lưu ký	006	669.884.290.000	456.480.700.000
Trong đó:			
6.1. Chứng khoán giao dịch	007	367.623.380.000	342.309.080.000
6.1.1. Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	008	439.450.000	3.863.250.000
6.1.2. Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	009	367.183.930.000	338.445.830.000
6.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	012	-	99.673.960.000
6.2.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	014	-	99.673.960.000
6.3. Chứng khoán cầm cố	017	136.744.150.000	-
6.3.2 Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước	019	136.744.150.000	-
6.4. Chứng khoán tạm giữ	022	100.300.460.000	-
6.4.2 Chứng khoán tạm giữ của khách hàng trong nước	024	100.300.460.000	-
6.5. Chứng khoán chờ thanh toán	027	55.416.300.000	10.367.100.000
6.5.1. Chứng khoán chờ thanh toán của thành viên lưu ký	028	101.000.000	20.000.000
6.5.2. Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	029	55.315.300.000	10.347.100.000
6.7. Chứng khoán chờ giao dịch	037	9.800.000.000	4.130.560.000
6.7.1. Chứng khoán chờ giao dịch của thành viên lưu ký	038	-	250.000
6.7.2. Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước	039	9.800.000.000	4.130.310.000
7. Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết	050	920.460.000	410.770.000
Trong đó:			
7.1. Chứng khoán giao dịch	051	920.460.000	410.770.000
7.1.1. Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	052	1.400.000	-
7.1.2. Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	053	919.060.000	410.770.000


Nguyễn Hoàng Phương Thanh
Kế toán


Lê Thanh Trí
Quyền Giám đốc
Ngày 26 tháng 3 năm 2013

Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 29 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢO MINH

Mẫu số B 02 - CTCK

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày	
		31.12.2012 VNĐ	31.12.2011 VNĐ
01	Doanh thu	57.244.680.056	51.153.619.472
	<i>Trong đó:</i>		
01.1	Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	6.403.659.875	2.584.382.458
01.2	Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	16 19.453.001.794	21.511.900.220
01.4	Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán	-	250.000.000
01.5	Doanh thu hoạt động tư vấn	412.727.273	436.234.545
01.9	Doanh thu khác	17 30.975.291.114	26.371.102.249
02	Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
10	Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	57.244.680.056	51.153.619.472
11	Chi phí hoạt động kinh doanh	18 (12.769.819.834)	(7.233.655.770)
20	Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh	44.474.860.222	43.919.963.702
25	Chi phí quản lý doanh nghiệp	19 (18.079.623.586)	(11.326.270.731)
30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	26.395.236.636	32.593.692.971
31	Thu nhập khác	50.827.458	83.273.547
32	Chi phí khác	-	(94.675.618)
40	Thu nhập/(chi phí) khác – số thuần	50.827.458	(11.402.071)
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	26.446.064.094	32.582.290.900
51	Chi phí thuế TNDN hiện hành	20 (8.544.783.004)	(8.124.962.553)
52	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	8 2.057.912.598	-
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN	19.959.193.688	24.457.328.347
70	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	22 665	815

Nguyễn Hoàng Phương Thanh
Kế toán



Lê Thanh Trí
Quyền Giám đốc
Ngày 26 tháng 3 năm 2013

Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 29 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢO MINH

Mẫu số B 03 - CTCK

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày	
		31.12.2012 VNĐ	31.12.2011 VNĐ
I	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
01	Lợi nhuận trước thuế	26.446.064.094	32.582.290.900
	Điều chỉnh cho các khoản:		
02	Khấu hao tài sản cố định	2.446.773.761	2.705.965.205
03	Các khoản dự phòng	8.157.649.874	189.332.881
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	(37.986.956.408)	(45.085.892.804)
	Phân bổ phụ trội trái phiếu	1.299.200.000	1.299.200.000
06	Chi phí lãi vay	788.113.108	83.202.082
08	Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	1.150.844.429	(8.225.901.736)
09	Tăng các khoản phải thu, chứng khoán kinh doanh, đầu tư ngắn hạn, tài sản ngắn hạn khác	(182.244.697.764)	(16.569.272.955)
11	Tăng/(giảm) các khoản phải trả	51.528.674.233	(774.292.929)
12	(Tăng)/giảm các chi phí trả trước	(114.053.097)	139.275.878
13	Tiền lãi vay đã trả	(788.113.108)	(83.202.082)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(8.170.936.998)	(7.667.326.742)
16	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	(1.387.859.587)	(1.279.758.590)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	(140.026.141.892)	(34.460.479.156)
II	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	(810.238.600)	(4.433.471.552)
22	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và tài sản dài hạn khác	-	5.200.000
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	4.400.000.000	51.950.000.000
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	36.019.049.197	43.451.850.264
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	39.608.810.597	90.973.578.712
III	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
33	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	99.961.304.662	30.750.000.000
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	(96.962.319.471)	(30.750.000.000)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(18.708.275.000)	(14.712.375.000)
40	Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính	(15.709.289.809)	(14.712.375.000)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	(116.126.621.104)	41.800.724.556
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	180.300.113.212	138.499.388.656
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	64.173.492.108	180.300.113.212

Nguyễn Hoàng Phương Thanh
Kế toán

Lê Thanh Trí
Quyền Giám đốc
Ngày 26 tháng 3 năm 2013

Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 29 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢO MINH

Mẫu số B 05 - CTCK

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VNĐ	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ VNĐ	Quỹ dự phòng tài chính VNĐ	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VNĐ	Lợi nhuận chưa phân phối VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2011	300.000.000.000	1.932.706.160	1.932.706.160	413.979.457	19.486.444.443	323.765.836.220
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	-	856.598.190	-	-	(856.598.190)	-
- Trích lập quỹ trong năm	-	-	-	-	-	-
Quỹ dự phòng tài chính	-	-	856.598.190	-	(856.598.190)	-
- Trích lập quỹ trong năm	-	-	-	-	-	-
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	(211.101.400)	-	(211.101.400)
- Sử dụng quỹ	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	-	-	-	-	24.457.328.347	24.457.328.347
- Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	(15.000.000.000)	(15.000.000.000)
- Chi trả cổ tức	-	-	-	-	(733.138.717)	(733.138.717)
- Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	-
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011	300.000.000.000	2.789.304.350	2.789.304.350	202.878.057	26.497.437.693	332.278.924.450
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	-	1.146.214.995	-	-	(1.146.214.995)	-
- Trích lập quỹ trong năm	-	-	-	-	-	-
Quỹ dự phòng tài chính	-	-	1.146.214.995	-	(1.146.214.995)	-
- Trích lập quỹ trong năm	-	-	-	-	-	-
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	545.872.736	(545.872.736)	-
- Trích lập quỹ trong năm	-	-	-	(191.019.500)	-	(191.019.500)
- Sử dụng quỹ	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	-	-	-	-	19.959.193.688	19.959.193.688
- Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	(956.632.377)	(956.632.377)
- Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(20.400.000.000)	(20.400.000.000)
- Chi trả cổ tức	-	-	-	-	-	-
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012	300.000.000.000	3.935.519.345	3.935.519.345	557.731.293	22.261.696.278	330.690.466.261

Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 29 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU
(tiếp theo)

Theo Thông tư 11/2000/TT-BTC ban hành ngày 1 tháng 2 năm 2000. Công ty phải trích lập các quỹ sau:

- Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ: trích 5% lợi nhuận sau thuế TNDN của Công ty mỗi năm cho đến khi quỹ này đạt 10% vốn góp điều lệ hiện có của Công ty.
- Quỹ dự phòng tài chính: trích 5% lợi nhuận sau thuế TNDN của Công ty mỗi năm cho đến khi quỹ này đạt 10% vốn góp điều lệ hiện có của Công ty.

Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập cho việc khen thưởng khách hàng có lượng giao dịch lớn trong năm ("Quỹ thưởng khách hàng"). Mức trích lập hàng năm của Quỹ thưởng khách hàng được phê duyệt bởi Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Trong năm, Công ty đã công bố 20.400.000.000 đồng cổ tức theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông ngày 15 tháng 5 năm 2012.



Nguyễn Hoàng Phương Thanh
Kế toán



Lê Thanh Trí
Quyền Giám đốc
Ngày 26 tháng 3 năm 2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012**

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng Khoán Bảo Minh (“Công ty”) được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 90/UBCK-GP ngày 21 tháng 4 năm 2008 và giấy phép điều chỉnh số 382/GPĐC-UBCK ngày 31 tháng 12 năm 2010 do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước cấp.

Ngày 8 tháng 12 năm 2011, Công ty đã được Ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước phê duyệt để thực hiện giao dịch ký quỹ theo hướng dẫn Thông tư 74/2011/TT-BTC ban hành ngày 1 tháng 6 năm 2011.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty có 56 nhân viên (31 tháng 12 năm 2011: 60 nhân viên).

2 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

2.1 Cơ sở của việc soạn lập các báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính đã được soạn lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán hoạt động tại nước CHXHCN Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Báo cáo tài chính được soạn lập theo nguyên tắc giá gốc.

Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước CHXHCN Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại nước CHXHCN Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

2.2 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

2.3 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị sử dụng trong kế toán là tiền đồng Việt Nam và được trình bày trên báo cáo tài chính theo đồng Việt Nam (“VNĐ”).

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại ngày bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

2.4 Hệ thống và hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức nhật ký chung để ghi sổ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012****2 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)****2.5 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán và các khoản tiền gửi có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng.

2.6 Các khoản đầu tư tài chính**(a) Đầu tư ngắn hạn**

Các khoản đầu tư ngắn hạn là những khoản đầu tư có thời hạn đáo hạn ít hơn 12 tháng kể từ ngày lập bảng cân đối kế toán và những khoản đầu tư được Công ty nắm giữ với ý định sẽ bán đi trong vòng 12 tháng kể từ ngày lập bảng cân đối kế toán. Các khoản đầu tư ngắn hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Dự phòng được lập cho các chứng khoán kinh doanh được tự do mua bán trên thị trường và khi có sự suy giảm giá trị chứng khoán.

Lãi hoặc lỗ từ kinh doanh chứng khoán được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo số thuần. Giá vốn của chứng khoán kinh doanh bán trong năm được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

(b) Đầu tư dài hạn

Chứng khoán nợ giữ đến ngày đáo hạn

Chứng khoán nợ giữ đến ngày đáo hạn là các chứng khoán có kỳ hạn cố định và các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được và Ban Tổng Giám đốc có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Chứng khoán nợ giữ đến ngày đáo hạn ban đầu được ghi nhận theo giá thực tế mua chứng khoán (giá gốc). Sau đó, các chứng khoán này được ghi nhận theo giá gốc trừ dự phòng giảm giá chứng khoán. Dự phòng được lập khi có bằng chứng của sự suy giảm giá trị trong thời gian dài của các chứng khoán này hoặc trong trường hợp Công ty không thể thu hồi các khoản đầu tư này.

Thu nhập lãi từ chứng khoán nợ giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ chứng khoán nợ này được ghi giảm trừ vào giá vốn tại thời điểm mua.

2.7 Cam kết mua và bán

Những chứng khoán được bán đồng thời cam kết sẽ mua lại (“repo”) không phải ghi giảm các khoản đầu tư trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ. Khoản tiền nhận được khi bán chứng khoán theo thỏa thuận này được ghi nhận như một khoản công nợ trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ. Phần chênh lệch giữa giá bán và giá mua lại được ghi nhận như chi phí trong kết quả hoạt động kinh doanh trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012**

2 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

2.7 Cam kết mua và bán (tiếp theo)

Những tài sản được mua đồng thời cam kết sẽ bán lại (“reverse repo”) không được ghi tăng các khoản đầu tư trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ. Số tiền trả cho các thỏa thuận reverse repo được ghi nhận như một tài sản trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ. Phần chênh lệch giữa giá mua và giá bán lại được ghi nhận như thu nhập trong kết quả hoạt động kinh doanh trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng.

2.8 Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được tài sản cố định.

Khấu hao

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần nguyên giá tài sản trong suốt thời gian hữu dụng ước tính. Các tỷ lệ khấu hao chủ yếu hàng năm như sau:

Máy móc thiết bị	33,3%
Phương tiện vận tải	16,67%
Thiết bị quản lý	14,3% - 33,3%
Phần mềm vi tính	20% - 33,3%

Thanh lý

Lãi và lỗ phát sinh do thanh lý nhượng bán tài sản cố định được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

2.9 Chi phí đi vay

Các khoản vay dùng để bổ sung vốn lưu động cho Công ty. Chi phí vay được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

2.10 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ cho nhà đầu tư

Doanh thu cung cấp dịch vụ cho nhà đầu tư bao gồm phí môi giới chứng khoán, phí bảo lãnh phát hành và phí tư vấn đầu tư chứng khoán dựa trên giá thỏa thuận với nhà đầu tư và được ghi nhận theo phương pháp trích trước.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012**

2 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

2.10 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Doanh thu từ hoạt động tự doanh và góp vốn

Doanh thu từ hoạt động tự doanh và góp vốn bao gồm thu nhập từ hoạt động tự doanh và cổ tức.

Thu nhập từ hoạt động tự doanh là khoản chênh lệch giữa giá bán và giá vốn của chứng khoán bán ra.

Thu nhập cổ tức được ghi nhận trong báo cáo kết quả kinh doanh khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

Doanh thu về vốn kinh doanh

Doanh thu về vốn kinh doanh bao gồm thu nhập lãi tiền gửi ngân hàng, tiền lãi thu được từ các hoạt động tạm ứng vốn cho nhà đầu tư. Các khoản doanh thu này được ghi nhận theo phương pháp trích trước.

2.11 Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm toàn bộ số thuế thu nhập tính trên thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp, kể cả các khoản thu nhập nhận được từ hoạt động chứng khoán tại nước ngoài mà Việt Nam chưa ký hiệp định về tránh đánh thuế hai lần. Chi phí thuế thu nhập bao gồm chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính đầy đủ, sử dụng phương thức công nợ, tính trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này. Thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế thu nhập tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

2.12 Chia cổ tức

Cổ tức của cổ đông của Công ty được ghi nhận là một khoản phải trả trong các báo cáo tài chính của kỳ kế toán mà cổ tức được Hội đồng Quản trị phê chuẩn.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012****2 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)****2.13 Các bên liên quan**

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả ngân hàng mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.14 Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi: Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; sự giảm sút những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí đi vay.

2.15 Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Luật Lao động Việt Nam, người lao động của Công ty được hưởng khoản trợ cấp thôi việc căn cứ vào số năm làm việc. Khoản trợ cấp này được trả một lần khi người lao động thôi làm việc cho Công ty. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở ước tính số tiền Công ty phải trả khi chấm dứt hợp đồng lao động do người lao động có thời gian làm việc cho công ty. Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Công ty phải nộp tiền vào Quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Cơ quan Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Do thực hiện chính sách bảo hiểm thất nghiệp, Công ty không cần phải lập dự phòng cho số năm làm việc của người lao động từ ngày 1 tháng 1 năm 2009.

2.16 Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành được phân loại là vốn chủ sở hữu. Các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông hoặc quyền chọn được ghi nhận là một khoản giảm trừ vốn chủ sở hữu.

Khi mua lại cổ phiếu vốn đã phát hành của Công ty (cổ phiếu quỹ), tổng số tiền thanh toán, bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua lại cổ phiếu, sẽ được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu cho đến khi các cổ phiếu này được hủy hoặc tái phát hành. Khi các cổ phiếu quỹ này được bán đi hoặc tái phát hành, số tiền nhận được trừ đi các chi phí liên quan trực tiếp đến việc bán đi hoặc tái phát hành được hạch toán tăng vốn chủ sở hữu.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012**
3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31.12.2012 VNĐ	31.12.2011 VNĐ
Tiền mặt	32.782.730	46.766.072
Tiền gửi ngân hàng	13.140.709.378	4.553.347.140
Trong đó:		
<i>Tiền gửi của Công ty chứng khoán</i>	3.630.345.993	497.269.315
<i>Tiền ký quỹ của nhà đầu tư</i>	9.510.363.385	4.056.077.825
Các khoản tương đương tiền (*)	51.000.000.000	175.700.000.000
	<u>64.173.492.108</u>	<u>180.300.113.212</u>

(*) Các khoản tương đương tiền là tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với thời gian đáo hạn ban đầu dưới ba tháng và thu lãi với lãi suất bình quân 8,9% một năm.

Bao gồm trong các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 có 15,5 tỷ đồng tiền gửi tại ngân hàng được dùng làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn và hạn mức tín dụng của Công ty (Thuyết minh 9).

4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Tại ngày 31.12.2012	Giá trị theo sổ sách kế toán VNĐ	So với giá thị trường		Giá thị trường VNĐ	Dự phòng VNĐ
		Tăng VNĐ	Giảm VNĐ		
(a) Đầu tư ngắn hạn	87.546.024.332	123.625.413	(226.122.845)	87.443.526.900	(226.122.845)
- Cổ phiếu niêm yết (*)	591.224.332	10.475.413	(226.122.845)	375.576.900	(226.122.845)
- Cổ phiếu chưa niêm yết (**)	4.655.600.000	113.150.000	-	4.768.750.000	-
- Trái phiếu niêm yết (***)	26.299.200.000	-	-	26.299.200.000	-
- Tiền gửi kỳ hạn trên 90 ngày	56.000.000.000	-	-	56.000.000.000	-
(b) Đầu tư dài hạn	84.000.000.000	-	-	84.000.000.000	-
<i>Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn</i>					
- Trái phiếu chưa niêm yết (***)	84.000.000.000	-	-	84.000.000.000	-
	<u>171.546.024.332</u>	<u>123.625.413</u>	<u>(226.122.845)</u>	<u>171.443.526.900</u>	<u>(226.122.845)</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012**

4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, bao gồm trong khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 90 ngày có 42 tỷ đồng dung làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn và hạn mức tín dụng của Công ty (Thuyết minh 9).

Tại ngày 31.12.2011	Giá trị theo sổ sách kế toán VNĐ	So với giá thị trường		Giá thị trường VNĐ	Dự phòng VNĐ
		Tăng VNĐ	Giảm VNĐ		
(a) Đầu tư ngắn hạn	5.244.572.194	12.455.764	(300.123.361)	4.956.904.597	(300.123.361)
- Chứng khoán vốn niêm yết (*)	1.084.437.796	12.455.764	(300.123.361)	796.770.199	(300.123.361)
- Chứng khoán vốn chưa niêm yết (**)	4.160.134.398	-	-	4.160.134.398	-
(b) Đầu tư dài hạn	115.998.400.000	-	-	115.998.400.000	-
Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn					
- Trái phiếu niêm yết (***)	27.598.400.000	-	-	27.598.400.000	-
- Trái phiếu chưa niêm yết (***)	88.400.000.000	-	-	88.400.000.000	-
	<u>121.242.972.194</u>	<u>12.455.764</u>	<u>(300.123.361)</u>	<u>120.955.304.597</u>	<u>(300.123.361)</u>

(*) Giá trị thị trường của chứng khoán vốn niêm yết tại Sàn Giao dịch Chứng khoán Hà Nội được tính dựa vào giá bình quân của ngày giao dịch cuối cùng của kỳ báo cáo tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Giá trị thị trường của chứng khoán vốn niêm yết tại Sàn Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh được tính dựa vào giá đóng cửa của ngày giao dịch cuối cùng của kỳ báo cáo tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

(**) Giá trị thị trường của các chứng khoán vốn chưa niêm yết được xác định bằng cách tham khảo giá giao dịch bình quân của các chứng khoán này do Công ty Chứng khoán Ngân hàng Đông Á, Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Dương, Công ty Cổ phần Chứng khoán Âu Việt cung cấp.

(***) Đầu tư vào trái phiếu giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Phần chiết khấu hoặc phụ trội phát sinh từ việc mua trái phiếu sẽ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời kỳ từ ngày mua trái phiếu đến ngày đáo hạn.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012**
5 CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31.12.2012 VNĐ	31.12.2011 VNĐ
Phải thu tiền bán chứng khoán ứng trước cho nhà đầu tư	76.997.282.788	12.942.074.180
Phải thu từ các hợp đồng “reverse repo” (*)	12.441.853.000	4.187.600.000
Phải thu từ hợp đồng giao dịch ký quỹ	11.868.128.388	2.184.122.861
Phải thu lãi đầu tư trái phiếu	9.773.871.525	10.686.672.223
Phải thu lãi tiền gửi ngân hàng	4.563.437.937	2.169.043.617
Các khoản phải thu khác	45.177.907.802	236.985.574
	<u>160.822.481.440</u>	<u>32.406.498.455</u>

(*) Các hợp đồng này đang trong thời gian chờ tất toán theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

6 DỰ PHÒNG PHẢI THU NỢ KHÓ ĐÒI

	31.12.2012 VNĐ	31.12.2011 VNĐ
Số dư đầu năm	-	-
Ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Thuyết minh 19)	8.231.650.390	-
Số dư cuối năm	<u>8.231.650.390</u>	<u>-</u>

Khoản dự phòng nợ phải thu tại thể hiện số tiền khó có khả năng thu hồi của các nhà đầu tư sử dụng dịch vụ ứng trước.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, tổng số phải thu ứng trước từ các nhà đầu tư này là 23,2 tỷ đồng. Khoản dự phòng này là số dư còn lại sau khi Công ty đã thu hồi các cổ phiếu làm tài sản đảm bảo với tổng giá trị là 15 tỷ đồng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012**

7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

(a) Tài sản cố định hữu hình

	Máy móc thiết bị VNĐ	Phương tiện vận tải VNĐ	Thiết bị quản lý VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Nguyên giá				
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2012	1.696.467.955	566.475.906	6.609.218.365	8.872.162.226
Mua trong năm	170.275.000	-	372.463.600	542.738.600
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012	<u>1.866.742.955</u>	<u>566.475.906</u>	<u>6.981.681.965</u>	<u>9.414.900.826</u>
Khấu hao lũy kế				
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2012	754.849.459	272.560.332	5.295.990.416	6.323.400.207
Khấu hao trong năm	239.470.101	94.412.651	942.824.520	1.276.707.272
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012	<u>994.319.560</u>	<u>366.972.983</u>	<u>6.238.814.936</u>	<u>7.600.107.479</u>
Giá trị còn lại				
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2012	941.618.496	293.915.574	1.313.227.949	2.548.762.019
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012	<u>872.423.395</u>	<u>199.502.923</u>	<u>742.867.029</u>	<u>1.814.793.347</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng là 6.006.239.761 đồng (ngày 31 tháng 12 năm 2011: 4.180.407.361 đồng).

(b) Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm vi tính VNĐ
Nguyên giá	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2012	5.805.495.040
Mua trong năm	267.500.000
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012	<u>6.072.995.040</u>
Khấu hao lũy kế	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2012	1.565.541.491
Khấu hao trong năm	1.170.066.489
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012	<u>2.735.607.980</u>
Giá trị còn lại	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2012	4.239.953.549
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012	<u><u>3.337.387.060</u></u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012

8 TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI

	31.12.2012 VNĐ	31.12.2011 VNĐ
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thu hồi trong vòng 12 tháng	2.057.912.598	-

Thay đổi trong tài sản thuế thu nhập hoãn lại trong năm được ghi nhận như sau:

	31.12.2012 VNĐ	31.12.2011 VNĐ
Số dư đầu năm	-	-
Ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Thuyết minh 20)	2.057.912.598	-
Số dư cuối năm	2.057.912.598	-

Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi (Thuyết minh 6).

9 VAY NGẮN HẠN

	Lãi suất vay %	Số dư đầu năm VNĐ	Số vay trong năm VNĐ	Số trả trong năm VNĐ	Số dư cuối năm VNĐ
Vay ngân hàng	11,75 - 16,2	-	72.961.304.661	(69.962.319.470)	2.998.985.191

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, số tiền 2.998.985.191 đồng thể hiện khoản vay ngắn hạn có đảm bảo tại một tổ chức tín dụng trong nước với tổng hạn mức 8.900.000.000 đồng. Khoản vay này chịu lãi suất 11,75% một năm và được đảm bảo bằng tài khoản tiền gửi có kỳ hạn của Công ty tại ngân hàng với tổng số tiền là 9.000.000.000 đồng tại ngày 31 tháng 12 năm 2012.

Công ty cũng có một số hạn mức tín dụng ngắn hạn từ các tổ chức tín dụng khác trong nước với số tiền 45.500.000.000 đồng. Hạn mức tín dụng này được đảm bảo bằng tài khoản tiền gửi có kỳ hạn của Công ty tại ngân hàng với tổng số tiền 48.500.000.000 đồng tại ngày 31 tháng 12 năm 2012.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012**

10 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31.12.2012 VNĐ	31.12.2011 VNĐ
Thuế GTGT hàng bán nội địa	19.113.636	12.331.819
Thuế thu nhập cá nhân	203.067.600	133.459.007
Thuế thu nhập doanh nghiệp – hiện hành	2.295.735.845	1.921.889.839
	<u>2.517.917.081</u>	<u>2.067.680.665</u>

11 CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31.12.2012 VNĐ	31.12.2011 VNĐ
Kinh phí công đoàn	225.233.985	142.716.515
Phải trả cổ tức cho cổ đông của Công ty (Thuyết minh 21(b))	2.447.250.000	755.525.000
Phải trả khác	94.579.034	37.382.779
	<u>2.767.063.019</u>	<u>935.624.294</u>

12 PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

	31.12.2012 VNĐ	31.12.2011 VNĐ
Phải trả trung tâm lưu ký chứng khoán cho hoạt động thanh toán bù trừ	51.321.367.123	3.114.417.000
Tiền gửi của khách hàng tại Công ty (*)	2.965.347.233	765.214.333
	<u>54.286.714.356</u>	<u>3.879.631.333</u>

(*) Khoản tiền này thể hiện khoản tiền gửi của khách hàng tại Công ty cho mục đích giao dịch chứng khoán.

13 PHẢI TRẢ HỘ CỔ TỨC GÓC VÀ LÃI TRÁI PHIẾU

Đây chủ yếu là khoản phải trả hộ cổ tức cho các cổ đông của Công ty mẹ (Thuyết minh 21(b)).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012

14 QUỸ KHEN THƯỞNG PHÚC LỢI

	31.12.2012	31.12.2011
	VNĐ	VNĐ
Số đầu năm	707.619.073	908.705.871
Trích lập quỹ	956.632.377	733.138.717
Sử dụng quỹ	(1.002.545.000)	(934.225.515)
Số cuối năm	<u>661.706.450</u>	<u>707.619.073</u>

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích từ 4% lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và một mức cố định hàng năm cho thủ lao thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hàng năm. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng, phúc lợi cho nhân viên, thủ lao thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát.

15 VỐN CHỦ SỞ HỮU

Theo giấy phép thành lập và hoạt động số 90/UBCK-GP ngày 21 tháng 4 năm 2008 và giấy phép điều chỉnh số 382/GPĐC-UBCK ngày 31 tháng 12 năm 2010 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp, vốn điều lệ của Công ty là 300.000.00.000 đồng Việt Nam (ba trăm tỷ đồng Việt Nam), tương đương 30.000.000 cổ phần, mỗi cổ phần mệnh giá là 10.000 đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, tình hình góp vốn điều lệ của Công ty như sau:

	Vốn điều lệ		Vốn góp
	VNĐ	%	VNĐ
Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh	210.058.000.000	70	210.058.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần			
Đông Nam Á	15.000.000.000	5	15.000.000.000
Các cổ đông khác	74.942.000.000	25	74.942.000.000
	<u>300.000.000.000</u>	<u>100</u>	<u>300.000.000.000</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012

16 DOANH THU TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN, GÓP VỐN

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2012	31.12.2011
	VNĐ	VNĐ
Lãi từ mua bán chứng khoán ngắn hạn	1.327.426.426	9.967.243
Thu nhập cổ tức	521.952.470	303.069.577
Thu nhập lãi trái phiếu	17.603.622.898	21.198.863.400
	<u>19.453.001.794</u>	<u>21.511.900.220</u>

17 DOANH THU TỪ HOẠT ĐỘNG KHÁC

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2012	31.12.2011
	VNĐ	VNĐ
Lãi tiền gửi	19.897.019.921	23.614.733.009
Doanh thu phí ứng trước	5.524.560.497	507.687.218
Doanh thu từ hợp đồng “reverse repo”	2.454.725.577	515.431.434
Doanh thu từ hoạt động giao dịch ký quỹ	3.014.319.024	1.643.679.727
Doanh thu khác	84.666.095	89.570.861
	<u>30.975.291.114</u>	<u>26.371.102.249</u>

18 CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2012	31.12.2011
	VNĐ	VNĐ
Chi phí nhân viên	2.626.583.920	2.410.136.167
Hoa hồng môi giới	1.116.286.245	339.723.917
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.255.085.085	694.481.272
Chi phí môi giới chứng khoán cho nhà đầu tư	1.621.442.779	983.891.604
Phân bổ phụ trội trái phiếu	1.299.200.000	1.299.200.000
Lỗ từ mua bán chứng khoán ngắn hạn	316.688.361	117.277.829
Chi phí lưu ký chứng khoán cho nhà đầu tư (Hoàn nhập)/Chi phí dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán	448.773.928	249.263.740
	(74.000.516)	189.332.881
Chi phí lãi vay	788.113.108	83.202.082
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.371.646.924	867.146.278
	<u>12.769.819.834</u>	<u>7.233.655.770</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012**

19 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2012 VNĐ	31.12.2011 VNĐ
Chi phí nhân viên quản lý	3.808.087.049	3.743.310.893
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.191.688.676	2.174.529.058
Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi (Thuyết minh 6)	8.231.650.390	-
Chi phí dịch vụ thuê ngoài	2.841.766.410	2.614.535.994
Chi phí thuê văn phòng	902.988.000	1.277.200.805
Chi phí bằng tiền khác	1.103.443.061	1.516.693.981
	<u>18.079.623.586</u>	<u>11.326.270.731</u>

20 THUẾ

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2012 VNĐ	31.12.2011 VNĐ
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	8.544.783.004	8.124.962.553
Thuế thu nhập hoãn lại (Thuyết minh 8)	(2.057.912.598)	-
	<u>6.486.870.406</u>	<u>8.124.962.553</u>

Khoản thuế trong năm thể hiện thuế thu nhập doanh nghiệp được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế của Công ty và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2012 VNĐ	31.12.2011 VNĐ
Lợi nhuận kế toán trước thuế	26.446.064.094	32.582.290.900
Thuế (theo thuế suất luật định: 25%)	6.611.516.024	8.145.572.725
Điều chỉnh:		
Thuế trên thu nhập không chịu thuế	(130.488.118)	(84.073.207)
Thuế trên chi phí không được khấu trừ	5.842.500	63.463.035
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	<u>6.486.870.406</u>	<u>8.124.962.553</u>

(*) Thu nhập chịu thuế của Công ty sẽ do cơ quan thuế kiểm tra định kỳ và có thể có những điều chỉnh khi quyết toán.

Cơ quan thuế chưa thực hiện quyết toán thuế cho các năm từ 2008 đến 2012.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012**

21 GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Công ty được kiểm soát bởi Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh do sở hữu 70% vốn góp của Công ty.

(a) Giao dịch với các bên liên quan

Trong năm, các giao dịch sau đây được thực hiện với các bên liên quan:

i) Doanh thu bán hàng và dịch vụ

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2012	31.12.2011
	VNĐ	VNĐ
Công ty mẹ		
Doanh thu từ phí môi giới kinh doanh chứng khoán	42.875.195	115.819.985
Doanh thu từ hoạt động tư vấn	30.000.000	20.000.000

ii) Mua hàng hóa và dịch vụ

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2012	31.12.2011
	VNĐ	VNĐ
Công ty mẹ		
Phí thuê văn phòng	308.000.000	358.250.000

iii) Các khoản chi cho các chức trách quản lý chủ chốt

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2012	31.12.2011
	VNĐ	VNĐ
Lương và các quyền lợi gộp khác	1.608.282.478	1.551.542.397

iv) Các giao dịch khác

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2012	31.12.2011
	VNĐ	VNĐ
Công ty mẹ		
Cổ tức đã trả cho Công ty mẹ	14.283.944.000	10.502.400.000
Công ty mẹ nhờ trả hộ cổ tức	22.343.664.000	909.003.000
Cổ tức đã trả hộ cho Công ty mẹ	20.918.126.600	707.364.370

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012**

21 GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(b) Số dư cuối năm với các bên liên quan

	31.12.2012 VNĐ	31.12.2011 VNĐ
Phải trả khác		
Cổ tức phải trả cho cổ đông của Công ty (Thuyết minh 11)	2.447.250.000	755.525.000
	<u>2.447.250.000</u>	<u>755.525.000</u>
Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu		
Cổ tức phải trả hộ cho Công ty mẹ (Thuyết minh 13)	2.341.462.960	915.925.560
	<u>2.341.462.960</u>	<u>915.925.560</u>

22 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm, loại trừ cổ phiếu thường Công ty mua lại và nắm giữ như cổ phiếu quỹ:

	31.12.2012	31.12.2011
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VNĐ)	19.959.193.688	24.457.328.347
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông (Cổ phiếu)	30.000.000	30.000.000
	<u>30.000.000</u>	<u>30.000.000</u>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VNĐ)	665	815
	<u>665</u>	<u>815</u>

23 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Các hoạt động của Công ty khiến cho Công ty phải chịu rủi ro của thị trường (bao gồm rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Nhìn chung các chính sách quản lý rủi ro của Công ty là nhằm giảm thiểu ảnh hưởng bất lợi tiềm tàng từ các rủi ro này đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

(1) Rủi ro thị trường

(a) Rủi ro giá

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư, danh mục đầu tư, định kỳ đánh giá lại danh mục, tuân thủ các nguyên tắc và giới hạn trong quy chế đầu tư. Ban Giám đốc của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, nếu giá các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết tăng/giảm 10% trong khi tất cả các biến số khác giữ nguyên không đổi, thì lợi nhuận trước thuế của Công ty sẽ cao hơn 17.117.512 đồng hoặc thấp hơn 395.709.598 đồng tương ứng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012**

23 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(1) Rủi ro thị trường (tiếp theo)

(b) Rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất đối với các khoản vay của Công ty. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, nếu lãi suất VND tăng/giảm 5% trong khi tất cả các biến số khác giữ nguyên không đổi, thì lợi nhuận trước thuế trong năm sẽ thấp/cao hơn 149.949.260 đồng (2011: 0 đồng) do chi phí lãi của các khoản vay này cao/thấp hơn.

(2) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro khi khách hàng hoặc đối tác trong các giao dịch công cụ tài chính không thực hiện được các nghĩa vụ hợp đồng, gây tổn thất tài chính cho Công ty. Chính sách của Công ty là chỉ giao dịch với các khách hàng có lịch sử tín dụng thích hợp nhằm giảm thiểu rủi ro tín dụng.

(3) Rủi ro thanh khoản

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty có khoản nợ tài chính bao gồm phải trả người bán, phải trả giao dịch chứng khoán, phải trả vay ngắn hạn và phải trả khác với số tiền là 64.959.045.512 đồng (2011: 8.181.186.362 đồng) là dòng tiền theo hợp đồng không chiết khấu có thời hạn ít hơn 1 năm.

24 CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty hiện đang thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2012, các hợp đồng thuê hoạt động không thể hủy ngang. Công ty phải trả mức tối thiểu trong tương lai như sau:

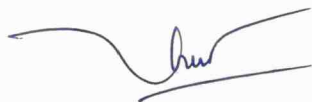
	31.12.2012	31.12.2011
	VNĐ	VNĐ
Từ 1 đến 5 năm	1.273.383.432	1.229.769.600
Trên 5 năm	2.130.542.448	3.073.925.880
Tổng cộng các khoản thanh toán tối thiểu	3.403.925.880	4.303.695.480

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012**

25 SỐ LIỆU SO SÁNH

Một vài số liệu so sánh trong báo cáo tài chính đã được phân loại lại để phù hợp với cách trình bày của năm hiện hành.

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã được Quyền Giám đốc phê duyệt để phát hành ngày 26 tháng 3 năm 2013.



Nguyễn Hoàng Phương Thanh
Kế toán



Lê Thanh Trí
Quyền Giám đốc